

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận, được lập ngày 6 tháng 3 năm 2019, từ trang 6 đến trang 20 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Quỹ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Quỹ đầu tư phát triển địa phương và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về số liệu Báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

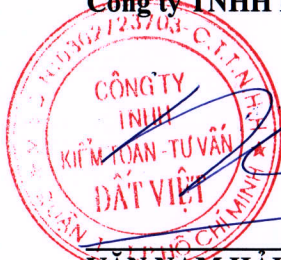
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Chế độ kế toán Quỹ đầu tư phát triển địa phương và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 3 năm 2019

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VĂN NAM HẢI – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0832-2018-037-1

TRẦN THỌ ĐỨC TIỀN- Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: : 4325-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MẪU B01 - ĐTPT

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
A. TÀI SẢN (100 = 110+120+130+140+150+160+170+180)		100		132.579.449.319	129.112.254.231
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	5.137.023.746	5.557.219.441
Tiền		111		5.137.023.746	5.557.219.441
II. Các khoản đầu tư		120		88.642.669.444	87.549.981.976
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		121	V.2	63.836.800.000	62.610.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn		121a		63.836.800.000	62.610.000.000
2. Cho vay		122	V.3	24.805.869.444	24.939.981.976
a. Cho vay		122a		24.993.319.339	25.128.445.316
b. Dự phòng rủi ro cho vay		122b		(187.449.895)	(188.463.340)
III. Các khoản phải thu		130		20.225.281.063	20.342.322.478
1. Phải thu của khách hàng		131	V.4	19.911.264.589	20.141.436.850
a. Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay		131a		1.277.003.987	1.507.176.248
b. Phải thu hoạt động nghiệp vụ khác		131e		18.634.260.602	18.634.260.602
2. Trả trước cho người bán		132	V.5	273.025.526	166.125.190
3. Phải thu khác		136	V.6	40.990.948	34.760.438
IV. Hàng tồn kho		140		3.084.422.270	4.567.504.618
Hàng tồn kho		141	V.7	3.084.422.270	4.567.504.618
V. Tài sản cố định		150		9.549.804.756	9.616.616.832
1. Tài sản cố định hữu hình		151	V.8	1.008.404.756	1.075.216.832
Nguyên giá		152		1.636.633.710	1.636.633.710
Giá trị hao mòn lũy kế		153		(628.228.954)	(561.416.878)
2. Tài sản cố định vô hình		157	V.9	8.541.400.000	8.541.400.000
Nguyên giá		158		8.541.400.000	8.541.400.000
VI. Bất động sản đầu tư		160		-	-
VII. Tài sản dở dang		170		5.305.264.392	546.624.110
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang		171	V.10	5.305.264.392	546.624.110
VIII. Tài sản khác		180		634.983.648	931.984.776
1. Thuế GTGT được khấu trừ		181		285.063.355	243.445.817
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		182	V.13	10.412.462	-
3. Chi phí trả trước		183	V.11	339.507.831	688.538.959

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

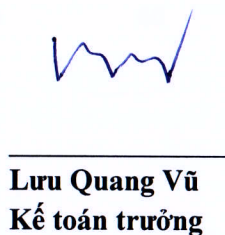
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

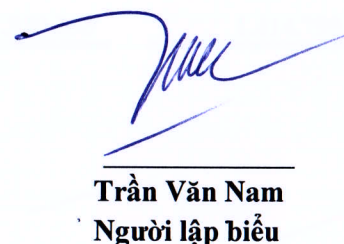
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	31/12/2017
B. NỢ PHẢI TRẢ	200		27.536.703.540	1.715.479.953
I. Nhận ủy thác, nhận hợp vốn cho vay	210		-	-
Vốn nhận ủy thác cấp phát đầu tư	211		-	-
II. Các khoản phải trả	220		27.536.703.540	1.715.479.953
1. Phải trả người bán	221	V.12	271.443.030	26.370.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	224	V.13	1.923.176.417	719.774.755
3. Phải trả người lao động	225		1.079.196.602	818.639.667
4. Phải trả khác	229	V.14	23.737.092.007	103.739.626
5. Quỹ khen thưởng phúc lợi	232	V.15	525.795.484	46.955.905
III. Vay và nợ thuê tài chính	240		-	-
C. VỐN CHỦ SỞ HỮU	300		105.042.745.779	127.396.774.278
I. Vốn chủ sở hữu	310	V.16	105.042.745.779	127.396.774.278
1. Vốn góp của chủ sở hữu	311		100.000.000.000	123.635.493.450
2. Vốn khác của chủ sở hữu	312		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	314		2.546.486.590	1.834.182.604
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	315		702.741.841	562.298.509
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	316		1.793.517.348	1.364.799.715
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	316a		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	316b		1.793.517.348	1.364.799.715
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	320		-	-
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (330=200+300)	330		132.579.449.319	129.112.254.231

Tỉnh Ninh Thuận, ngày 6 tháng 3 năm 2019


Phan Quỳnh Dao
Giám đốc


Lưu Quang Vũ
Kế toán trưởng


Trần Văn Nam
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

MẪU B02-ĐTPT

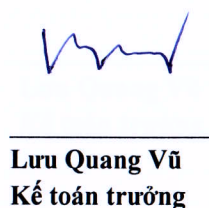
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Thu nhập lãi thuần	01	VI.1	5.460.997.993	5.424.898.763
1.1. Doanh thu thuần lãi cho vay	02		5.474.370.152	5.431.622.288
1.2. Chi phí lãi vay, chi phí liên quan trực tiếp tới việc huy động vốn và các Khoản chi phí hoạt động cho vay	03		13.372.159	6.723.525
2. Thu thập thuần từ hoạt động đầu tư trực tiếp	04	VI.2	2.071.517.609	771.846.597
2.1. Doanh thu thuần từ hoạt động đầu tư trực tiếp	05		5.062.805.267	2.575.443.637
2.2. Chi phí hoạt động đầu tư trực tiếp	06		2.991.287.658	1.803.597.040
3. Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ	07		507.740.909	-
3.1. Doanh thu thuần hoạt động dịch vụ	08		509.090.909	
3.2. Chi phí hoạt động dịch vụ	09		1.350.000	
4. Thu nhập thuần từ hoạt động đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10		-	-
5. Thu nhập thuần từ hoạt động tài chính	13	VI.3	69.551.560	69.551.560
5.1. Doanh thu từ hoạt động tài chính	14		136.363.636	136.363.636
5.2. Chi phí tài chính	15		66.812.076	66.812.076
6. Chi phí hoạt động kinh doanh	16	VI.4	5.272.611.642	4.376.597.834
7. Thu nhập thuần khác	17		1.429.157	7.782.691
7.1. Thu nhập thuần từ hoạt động khác	18		1.429.157	7.782.691
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước dự phòng rủi ro cho vay	20		2.838.625.586	1.897.481.777
9. Chi phí dự phòng rủi ro cho vay	30		(1.013.445)	53.463.340
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40		2.839.639.031	1.844.018.437
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	50		611.699.198	429.218.722
11.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5	611.699.198	429.218.722
11.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.227.939.833	1.414.799.715

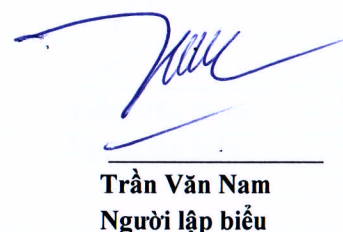
Tỉnh Ninh Thuận, ngày 6 tháng 3 năm 2019



Phan Quỳnh Dao
Giám đốc



Lưu Quang Vũ
Kế toán trưởng



Trần Văn Nam
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH NINH THUẬN

Số 59 đường 16 tháng 4, Thành phố Phan Rang Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2018

Mẫu B03a - ĐTPT

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động đầu tư trực tiếp	01		5.589.720.995	2.702.000.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(5.955.191.185)	(2.187.249.929)
3. Tiền thu từ các Khoản phí	03		560.000.000	-
4. Tiền chi cho vay	04		(4.577.676.230)	(8.700.445.316)
5. Tiền thu hồi gốc cho vay	05		4.712.802.207	1.572.000.000
6. Thu tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi	06		5.704.680.495	6.562.257.562
7. Tiền chi trả cho người lao động	16		(3.549.881.808)	(2.478.311.964)
8. Thuế TNDN đã nộp	18		(402.025.016)	(223.552.248)
9. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	19		902.375.143	323.648.912
10. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	20		(2.175.919.103)	(4.716.761.868)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	30		808.885.498	(7.146.414.851)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	33		(68.651.800.000)	(71.340.000.000)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	34		67.425.000.000	76.510.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	40		(1.226.800.000)	5.170.000.000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	41		-	6.036.276.068
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu	42		(2.281.193)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	50		(2.281.193)	6.036.276.068
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	60		(420.195.695)	4.059.861.217
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	70		5.557.219.441	1.497.358.224
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	71		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	80	V.1	5.137.023.746	5.557.219.441

Tỉnh Ninh Thuận, ngày 6 tháng 3 năm 2019

Phan Quỳnh Dao
Giám đốcLuu Quang Vũ
Kế toán trưởngTrần Văn Nam
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính